

THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH LOGISTICS Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Thị Thu Hà
Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Ngành logistics giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0). Những năm gần đây, logistics Việt Nam đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng, trở thành một trong những thị trường năng động nhất khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, chi phí logistics cao, hạ tầng thiếu đồng bộ và nguồn nhân lực hạn chế vẫn là những thách thức lớn. Bài viết phân tích thực trạng và xu hướng phát triển của ngành Logistics Việt Nam dựa trên tổng hợp tài liệu, phân tích so sánh và dữ liệu thứ cấp từ các nguồn trong nước và quốc tế. Kết quả nghiên cứu chỉ ra các xu hướng nổi bật như chuyển đổi số, logistics xanh và liên kết khu vực; đồng thời đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành Logistics Việt Nam trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Logistics, Việt Nam, chuỗi cung ứng, chuyển đổi số, phát triển bền vững, Cách mạng công nghiệp 4.0.

CURRENT STATUS AND DEVELOPMENT TRENDS OF LOGISTICS INDUSTRY IN VIETNAM

Phạm Thị Thu Hà
Ho Chi Minh City Cadre Academy

Abstract: The logistics industry plays a pivotal role in enhancing national competitiveness and driving economic growth in the context of globalization and the Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0). In recent years, Vietnam's logistics sector has achieved significant progress, becoming one of the most dynamic markets in Southeast Asia. However, high logistics costs, fragmented infrastructure, and limited human resources remain major challenges. This paper analyzes the current status and development trends of Vietnam's Logistics industry based on a comprehensive review of literature, comparative analysis, and secondary data from domestic and international sources. The study highlights prominent trends such as digital transformation, green logistics, and regional integration, while also proposing policy recommendations to promote sustainable development and enhance the competitiveness of Vietnam's Logistics sector in the coming period.

Keywords: Logistics, Vietnam, supply chain, digital transformation, sustainable development, Industry 4.0.

Nhận bài: 17/08/2025

Phản biện: 13/09/2025

Duyệt đăng: 18/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, logistics ngày càng khẳng định vai trò là “huyết mạch” của nền kinh tế, góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất quốc gia, giảm chi phí thương mại và tăng cường năng lực cạnh tranh. Theo Ngân hàng Thế giới (2023), các quốc gia có hệ thống logistics phát triển thường đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn và khả năng hội nhập hiệu quả hơn. Đối với Việt Nam - một nền kinh tế đang phát triển, có vị trí địa lý chiến lược trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương cùng khối lượng giao thương quốc tế ngày càng gia tăng, logistics không chỉ đóng vai trò là ngành dịch vụ hỗ trợ mà còn trở thành động lực then chốt thúc đẩy sản xuất, xuất nhập khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

Trong thập kỷ qua, ngành logistics Việt Nam đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng, đạt trung bình từ 14-16% mỗi năm (VLA, 2024). Tuy nhiên, chi phí logistics vẫn chiếm tỷ lệ cao, khoảng 16-20% GDP, vượt đáng kể so với mức trung bình toàn cầu (10-12%). Bên cạnh đó, năng suất lao động, tính kết nối chuỗi cung ứng và mức độ ứng

dụng công nghệ trong hoạt động logistics vẫn còn nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trên thị trường quốc tế.

Trước những biến động sâu sắc của chuỗi cung ứng toàn cầu và sự tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc đánh giá thực trạng và nhận diện xu hướng phát triển của ngành Logistics Việt Nam trở nên hết sức cấp thiết. Mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích toàn diện thực trạng phát triển logistics trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, làm rõ các cơ hội, thách thức chủ yếu, nhận diện những xu hướng phát triển nổi bật, đồng thời đề xuất các định hướng và giải pháp chính sách nhằm nâng cao hiệu quả, tính bền vững và năng lực cạnh tranh của ngành Logistics Việt Nam trong giai đoạn tới.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm và vai trò của Logistics

Thuật ngữ Logistics có nguồn gốc từ lĩnh vực quân sự, chỉ việc tổ chức, điều phối và bảo đảm nguồn lực phục vụ tác chiến. Khi được vận dụng

trong kinh tế, Logistics được hiểu là quá trình lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát hiệu quả dòng chảy của hàng hóa, dịch vụ và thông tin từ điểm xuất phát đến điểm tiêu thụ, nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng (Council of Supply Chain Management Professionals, 2022).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, Logistics không chỉ là khâu hỗ trợ mà còn là yếu tố chiến lược trong chuỗi cung ứng, giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, nâng cao năng suất và gia tăng năng lực cạnh tranh. Theo Ngân hàng Thế giới, năng lực logistics của một quốc gia được đánh giá thông qua chỉ số LPI (Logistics Performance Index) gồm sáu tiêu chí: Thủ tục hải quan; Cơ sở hạ tầng; Vận tải quốc tế; Năng lực dịch vụ logistics; Khả năng theo dõi - truy xuất và tính đúng giờ. Các tiêu chí này phản ánh mức độ hiện đại, hiệu quả và tính hội nhập của hệ thống logistics quốc gia.

2.2. Các nghiên cứu về logistics trên thế giới

Trên phạm vi quốc tế, logistics đã được nghiên cứu rộng rãi dưới nhiều góc độ. Porter (1985) coi logistics là một hoạt động hỗ trợ cốt lõi trong chuỗi giá trị, có ảnh hưởng trực tiếp đến chiến lược chi phí và khác biệt hóa sản phẩm. Lambert và cộng sự (2008) nhấn mạnh vai trò của sự tích hợp trong chuỗi cung ứng, coi logistics là yếu tố kết nối giữa các khâu sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều nghiên cứu gần đây (UNCTAD, 2023; OECD, 2022) chỉ ra xu hướng chuyển đổi logistics theo hướng số hóa, tự động hóa và khai thác dữ liệu lớn nhằm nâng cao năng suất, minh bạch và tính bền vững. Ngoài ra, một số học giả (Christopher, 2016; WEF, 2020) còn đề cập tới logistics xanh và logistics tuần hoàn như một hướng đi tất yếu trong chiến lược phát triển bền vững toàn cầu.

2.3. Các nghiên cứu về logistics ở Việt Nam

Trong khoảng một thập kỷ qua, nhiều công trình nghiên cứu đã phân tích sự phát triển của ngành Logistics Việt Nam dưới các góc độ khác nhau. Các báo cáo của Bộ Công Thương (2023), Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA, 2024) và nghiên cứu của Bùi & Nguyễn (2020) cho thấy Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể về hạ tầng, chính sách hỗ trợ và mức độ hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, nhiều hạn chế vẫn tồn tại như chi phí logistics cao, kết nối hạ tầng chưa đồng bộ, nhân lực chất

lượng cao còn thiếu và mức độ ứng dụng công nghệ số còn hạn chế.

Bên cạnh đó, một số nghiên cứu quốc tế tại khu vực Đông Nam Á (ví dụ: Lee & Tang, 2021; ASEAN Logistics Report, 2023) nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số và logistics xanh trong nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. So sánh với các nước trong khu vực như Singapore hay Thái Lan, có thể thấy các nghiên cứu ở Việt Nam còn thiếu những phân tích mang tính tổng hợp về xu hướng phát triển logistics gắn với các yếu tố số hóa, bền vững và kết nối khu vực.

Từ đó, có thể nhận định rằng khoảng trống nghiên cứu hiện nay nằm ở việc kết hợp giữa phân tích thực trạng phát triển ngành Logistics và dự báo các xu hướng vận động trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập toàn cầu. Đây cũng chính là định hướng trọng tâm mà bài báo này hướng tới.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng định tính - mô tả, dựa trên phân tích tổng hợp tài liệu, số liệu thống kê và các báo cáo chính thức liên quan đến ngành Logistics Việt Nam. Phương pháp này cho phép tiếp cận vấn đề một cách toàn diện, vừa mô tả thực trạng phát triển, vừa nhận diện xu hướng thông qua việc đối chiếu, so sánh giữa các nguồn dữ liệu trong nước và quốc tế.

Nguồn dữ liệu của nghiên cứu chủ yếu là dữ liệu thứ cấp, được thu thập từ các báo cáo và cơ sở dữ liệu đáng tin cậy như: Báo cáo Logistics Việt Nam (MOIT, 2023; 2024), Báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA, 2024), chỉ số LPI của Ngân hàng Thế giới (2023), Niên giám Thống kê Việt Nam (GSO, 2024), cùng với các công trình nghiên cứu học thuật và báo cáo quốc tế của UNCTAD, OECD, ADB và ESCAP. Việc tổng hợp và phân tích các nguồn dữ liệu này giúp đảm bảo tính khách quan và cập nhật của kết quả nghiên cứu.

Phân tích được tiến hành dựa trên khung phân tích gồm năm trụ cột chính: (1) Cơ sở hạ tầng logistics; (2) Thể chế, chính sách và môi trường pháp lý; (3) Năng lực doanh nghiệp; (4) Nguồn nhân lực; và (5) Công nghệ cùng đổi mới sáng tạo. Khung này là nền tảng để đánh giá một cách có hệ thống thực trạng phát triển của ngành Logistics Việt Nam, đồng thời làm cơ sở đề xuất các định hướng và giải pháp chính sách phù hợp cho giai đoạn tới.

2.5. Kết quả nghiên cứu

2.5.1. Thực trạng phát triển ngành Logistics ở Việt Nam

Một là, về quy mô và hiệu quả hoạt động

Theo Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam (VLA, 2024), quy mô thị trường logistics Việt Nam năm 2024 ước đạt 42 tỷ USD, đóng góp 4,5% GDP. Ngành duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 15%/năm, vượt mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường logistics phát triển nhanh nhất khu vực ASEAN. Sự tăng trưởng phản ánh mở rộng xuất nhập khẩu, nhu cầu vận chuyển nội địa gia tăng và sự tham gia ngày càng nhiều của doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Thị trường hiện phân hóa rõ rệt giữa các dịch vụ cơ bản (vận tải, kho bãi, giao nhận) và dịch vụ giá trị cao (3PL, 4PL, quản lý chuỗi cung ứng tích hợp), với hơn 90% doanh nghiệp vừa và nhỏ, cho thấy tiềm năng mở rộng nhưng đồng thời hạn chế về năng lực quản trị, công nghệ và vốn.

Theo Chỉ số Hiệu quả Logistics (LPI) 2023, Việt Nam xếp thứ 43/139 quốc gia, tăng hai bậc so với 2018. Các tiêu chí tính đúng giờ và vận chuyển quốc tế đạt điểm cao, trong khi cơ sở hạ tầng và hiệu quả hải quan vẫn còn hạn chế, phản ánh chất lượng đường bộ, cảng biển và thủ tục hành chính chưa đồng bộ. Chi phí logistics hiện dao động 16-18% GDP, cao hơn nhiều so với Singapore (8-10%) hay Thái Lan (12-14%), nhấn mạnh cơ hội tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả vận hành và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Hai là, về cơ cấu và năng lực doanh nghiệp

Hiện cả nước có khoảng 4.000 doanh nghiệp Logistics, trong đó hơn 90% là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phần lớn các doanh nghiệp trong nước chủ yếu cung cấp dịch vụ cơ bản như vận tải, kho bãi và giao nhận, trong khi các dịch vụ giá trị gia tăng cao như 3PL, 4PL và quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chủ yếu do các doanh nghiệp nước ngoài đảm nhiệm, điển hình như DHL, Kuehne+Nagel và Maersk Logistics. Các doanh nghiệp Logistics nội địa vẫn còn tồn tại một số hạn chế đáng kể, bao gồm năng lực tài chính và công nghệ yếu, thiếu khả năng cung cấp dịch vụ tích hợp và quản trị hiện đại, cũng như liên kết trong chuỗi cung ứng còn rời rạc, hạn chế tính kết nối hệ thống và khả năng cạnh tranh tổng thể.

Ba là, về cơ sở hạ tầng và kết nối logistics

Cơ sở hạ tầng logistics của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển bền vững và kết nối liên vùng. Hiện đường bộ chiếm khoảng 75% khối lượng vận chuyển hàng hóa nhưng thường xuyên ùn tắc và chi phí cao. Đường biển đảm nhận 90% hàng hóa xuất nhập khẩu, song các cảng nước sâu tại khu vực phía Bắc vẫn còn hạn chế về khả năng tiếp nhận tàu lớn và kết nối với mạng lưới vận tải nội địa. Đường sắt và đường thủy nội địa mới chỉ chiếm khoảng 5% lưu lượng hàng hóa, cho thấy tiềm năng khai thác còn rất lớn. Bên cạnh đó, thiếu các trung tâm logistics liên vùng và đa phương thức làm giảm hiệu quả kết nối giữa các loại hình vận tải, gây lãng phí nguồn lực và tăng chi phí vận hành.

Bốn là, về chính sách và thể chế quản lý

Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số văn bản chiến lược nhằm phát triển ngành Logistics, điển hình là Quyết định số 221/QĐ-TTg (2021) về Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics đến năm 2025, tầm nhìn 2035. Mục tiêu chính bao gồm phát triển vận tải đa phương thức, xây dựng các trung tâm Logistics trọng điểm, cải cách thủ tục hải quan và thúc đẩy hợp tác công - tư. Tuy nhiên, việc triển khai các chính sách này còn thiếu đồng bộ giữa các bộ, ngành; cơ chế chia sẻ dữ liệu chưa hoàn thiện, dẫn đến tình trạng chồng chéo và hiệu quả chưa cao.

Năm là, về nguồn nhân lực

Ngành Logistics Việt Nam hiện cần khoảng 200.000 lao động/năm, nhưng các cơ sở đào tạo mới đáp ứng khoảng 50% nhu cầu thực tế (MOIT, 2023). Các vấn đề nổi bật gồm chương trình đào tạo chưa gắn kết với thực tiễn doanh nghiệp, thiếu kỹ năng tiếng Anh và công nghệ số, cũng như tỷ lệ nhân lực có chứng chỉ quốc tế về logistics còn thấp. Tình trạng này ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đặc biệt trong các hoạt động logistics giá trị cao và quản lý chuỗi cung ứng hiện đại.

Sáu là, về công nghệ và mức độ chuyển đổi số

Chuyển đổi số đang trở thành yếu tố quyết định trong nâng cao hiệu quả ngành logistics. Một số doanh nghiệp đã triển khai hệ thống quản lý vận tải (TMS) và quản lý kho (WMS), cùng các ứng dụng IoT trong giám sát hành trình và Blockchain

trong quản lý chứng từ. Tuy nhiên, mức độ số hóa trong toàn ngành vẫn còn hạn chế, chỉ khoảng 20-25% doanh nghiệp có hệ thống số tích hợp và quy trình tự động hóa đầy đủ. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết về đầu tư công nghệ, nâng cao năng lực nhân lực số và phát triển các nền tảng logistics số quốc gia để tối ưu hóa vận hành, giảm chi phí và tăng cường khả năng kết nối chuỗi cung ứng.

2.5.2. Xu hướng phát triển ngành Logistics ở Việt Nam

Nhằm đáp ứng nhu cầu vận hành hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh, ngành Logistics Việt Nam đang phát triển theo một số xu hướng chủ đạo định hình cách thức vận hành và chiến lược phát triển của các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay và tương lai gần, bao gồm:

Một là, chuyển đổi số và logistics thông minh. Sự phát triển của AI, Big Data, IoT và blockchain đang mở ra xu hướng logistics thông minh, giúp tối ưu vận hành, giảm chi phí và tăng khả năng theo dõi hàng hóa theo thời gian thực. Việt Nam chứng kiến sự ra đời của nhiều nền tảng logistics số nội địa, hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, minh bạch hóa hoạt động và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng.

Hai là, Logistics xanh và phát triển bền vững. Xu hướng giảm phát thải CO₂, sử dụng năng lượng tái tạo và phương tiện thân thiện môi trường được các doanh nghiệp logistics chú trọng. Một số đơn vị bắt đầu hướng tới chứng nhận “carbon-neutral” và áp dụng tiêu chuẩn xanh trong hoạt động kho vận, phù hợp định hướng phát triển bền vững quốc gia.

Ba là, liên kết và hội nhập khu vực. Việt Nam đang từng bước hình thành các trung tâm logistics quốc gia tại Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, đồng thời thúc đẩy kết nối chuỗi cung ứng xuyên biên giới trong tiểu vùng Mê Kông và ASEAN. Sự hội nhập này mở rộng không gian phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh khu vực.

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong xu hướng hội nhập và chuyển đổi số, các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp logistics đang tăng cường hợp tác trong đào tạo, thực hành và cấp chứng chỉ quốc tế. Nhiều chương trình đào tạo chuyên sâu về logistics số, quản lý chuỗi cung ứng và kỹ năng quốc tế được triển khai, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực có trình độ và năng lực cạnh tranh toàn cầu.

2.6. Thảo luận và khuyến nghị chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy ngành Logistics Việt Nam đang trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ, song vẫn tồn tại nhiều rào cản về thể chế, hạ tầng và năng lực cạnh tranh doanh nghiệp. So sánh với các quốc gia có hệ thống logistics phát triển như Singapore, Hàn Quốc hay Thái Lan cho thấy Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn phát triển trung bình, với tốc độ cải thiện chỉ số LPI chưa tương xứng với tiềm năng. Điều này phản ánh sự thiếu đồng bộ giữa chính sách, quy hoạch và thực thi, cũng như hạn chế trong ứng dụng công nghệ số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Thứ nhất, về hạ tầng logistics, mặc dù đã có những bước tiến đáng kể trong phát triển hệ thống cảng biển, sân bay và trung tâm logistics, song sự kết nối giữa các phương thức vận tải vẫn còn rời rạc. Việc đầu tư dàn trải, thiếu quy hoạch vùng và chưa hình thành các hành lang logistics liên kết Bắc - Trung - Nam đã làm tăng chi phí logistics lên mức cao so với khu vực (khoảng 16-18% GDP).

Thứ hai, về thể chế và chính sách, môi trường pháp lý cho logistics còn thiếu tính đồng bộ giữa các bộ, ngành. Việc chậm hoàn thiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics giai đoạn 2025-2035 dẫn đến tình trạng manh mún trong quản lý. Để khắc phục, cần thiết lập cơ chế điều phối liên ngành về logistics ở cấp Chính phủ, đồng thời xây dựng khung chính sách dài hạn gắn với mục tiêu phát triển bền vững và chuyển đổi xanh trong logistics.

Thứ ba, về năng lực doanh nghiệp, hơn 90% doanh nghiệp logistics Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ yếu hoạt động ở khâu trung gian, năng lực công nghệ và quản trị còn hạn chế. Việc phụ thuộc vào doanh nghiệp nước ngoài trong các khâu logistics giá trị cao (như quản lý chuỗi cung ứng, logistics hợp đồng 3PL, 4PL) khiến khả năng cạnh tranh quốc gia bị ảnh hưởng.

Thứ tư, về nguồn nhân lực, thiếu hụt lao động chất lượng cao là điểm nghẽn nghiêm trọng. Chương trình đào tạo logistics ở Việt Nam hiện còn phân tán, chưa gắn kết với nhu cầu thực tiễn doanh nghiệp. Chính phủ cần xây dựng khung trình độ quốc gia cho logistics, khuyến khích các trường đại học - cao đẳng hợp tác với doanh nghiệp trong thiết kế chương trình và thực tập nghề nghiệp.

Thứ năm, về công nghệ và chuyển đổi số, đây là trụ cột mang tính đột phá. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong logistics ở Việt Nam còn thấp, chủ yếu ở mức quản lý cơ bản. Chính phủ cần ban hành chiến lược chuyển đổi số trong logistics, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tổng hợp các nội dung trên, nghiên cứu đề xuất năm nhóm khuyến nghị chính sách trọng tâm như sau:

Hoàn thiện thể chế và cơ chế điều phối liên ngành, hướng tới xây dựng Luật Logistics quốc gia làm nền tảng pháp lý thống nhất.

Phát triển hạ tầng logistics đa phương thức và xanh, chú trọng kết nối vùng - khu công nghiệp - cảng biển, giảm chi phí logistics quốc gia xuống dưới 12% GDP.

Thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, hình thành hệ sinh thái logistics số toàn diện gắn với Cách mạng công nghiệp 4.0.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thông qua mô hình hợp tác ba bên “Nhà nước - Doanh nghiệp - Cơ sở đào tạo”.

Tăng cường hợp tác quốc tế và hội nhập chuỗi cung ứng toàn cầu, tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP).

Như vậy, việc phát triển ngành Logistics Việt Nam trong thời gian tới cần được định hướng theo hướng bền vững, hiện đại và hội nhập, với trọng tâm là chuyển đổi số, giảm phát thải carbon và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

III. KẾT LUẬN

Ngành Logistics Việt Nam đang ở giai đoạn phát triển mạnh mẽ, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và hội nhập kinh tế quốc tế. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, nhưng các vấn đề như chi phí cao, hạ tầng chưa đồng bộ, nguồn nhân lực yếu và mức độ số hóa thấp vẫn là rào cản lớn. Trong giai đoạn tới, việc phát triển logistics cần gắn với chuyển đổi số, phát triển bền vững và hội nhập khu vực, đồng thời đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi, T. H., & Nguyễn, M. L. (2020). *Thách thức và cơ hội phát triển logistics Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, 45(3), 67-80.
- Council of Supply Chain Management Professionals. (2022). *Định nghĩa về logistics*.
- Lambert, D. M., Cooper, M. C., & Pagh, J. D. (2008). *Supply Chain Management: Implementation Issues and Research Opportunities*. International Journal of Logistics Management, 19(2), 238–256.
- Bộ Công Thương (2023). *Báo cáo Logistics Việt Nam 2023*. Hà Nội.
- Bộ Công Thương (2024). *Kế hoạch phát triển dịch vụ logistics Việt Nam 2024*.
- UNCTAD (2023). *Số hóa và Logistics tại các nền kinh tế đang phát triển*.
- Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam - VLA (2024). *Báo cáo thường niên Logistics Việt Nam 2024*. TP. Hồ Chí Minh.
- World Bank (2023). *Logistics Performance Index 2023*. Washington, D.C.